

Số: 05 /2023/QĐ-UBND

Kon Tum, ngày 17 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật ngành nghề đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới ba tháng cho 20 nghề áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách Nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng;

Căn cứ Thông tư số 42/2015/BLĐTBXH ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo trình độ sơ cấp; Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số

42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 10 năm 2015 quy định về đào tạo trình độ sơ cấp;

Căn cứ Thông tư số 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo thường xuyên; Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 10 năm 2015 quy định về đào tạo thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 07/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 26/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng; Thông tư số 40/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng;

Căn cứ Nghị quyết số 79/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành Danh mục chi tiết dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định định mức kinh tế - kỹ thuật ngành nghề đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới ba tháng cho 20 nghề áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp quy định tại Điều 5 Luật giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp và cơ sở được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, dưới ba tháng trên địa bàn tỉnh;

b) Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp; các cơ quan tham mưu giúp quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật

Định mức kinh tế - kỹ thuật được quy định tại Quyết định này là cơ sở ban hành đơn giá đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo nghề dưới ba tháng có sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phương thức đặt hàng, giao nhiệm vụ.

Điều 3. Định mức kinh tế - kỹ thuật 20 nghề đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới ba tháng, gồm:

1. Nghề Cốt thép - Hàn: Trình độ đào tạo: Sơ cấp; thời gian đào tạo: 430 giờ (*Chi tiết tại Phụ lục I*).
2. Nghề Nề - Hoàn thiện: Trình độ đào tạo: Sơ cấp; thời gian đào tạo: 390 giờ (*Chi tiết tại Phụ lục II*).
3. Nghề Vận hành máy nông nghiệp - Vận hành, sửa chữa máy nông nghiệp: Trình độ đào tạo: Sơ cấp; thời gian đào tạo: 380 giờ (*Chi tiết tại Phụ lục III*).
4. Nghề Lâm sinh - Trồng và chăm sóc dổi: Trình độ đào tạo: Dưới 3 tháng; thời gian đào tạo: 226 giờ (*Chi tiết tại Phụ lục IV*).
5. Nghề Du lịch sinh thái - Du lịch cộng đồng: Trình độ đào tạo: Dưới 3 tháng; thời gian đào tạo: 220 giờ (*Chi tiết tại Phụ lục V*).
6. Nghề Chăn nuôi - Thú y - Nuôi và phòng trị bệnh cho lợn: Trình độ đào tạo: Dưới 3 tháng; thời gian đào tạo: 220 giờ (*Chi tiết tại Phụ lục VI*).
7. Nghề Trồng cây công nghiệp - Trồng và chăm sóc cây cà phê: Trình độ đào tạo: Dưới 3 tháng; thời gian đào tạo: 220 giờ (*Chi tiết tại Phụ lục VII*).
8. Nghề Chăn nuôi - Nuôi và chăm sóc lợn rừng lai: Trình độ đào tạo: Dưới 3 tháng; thời gian đào tạo: 220 giờ (*Chi tiết tại Phụ lục VIII*).
9. Nghề Chăn nuôi - Thú y - Nuôi và phòng trị bệnh cho trâu, bò: Trình độ đào tạo: Dưới 3 tháng; thời gian đào tạo: 220 giờ (*Chi tiết tại Phụ lục IX*).
10. Nghề Lâm sinh - Trồng keo, bạch đàn, thông làm nguyên liệu giấy: Trình độ đào tạo: Dưới 3 tháng; thời gian đào tạo: 140 giờ (*Chi tiết tại Phụ lục X*).
11. Nghề Trồng cây lương thực, thực phẩm - Trồng nấm sò: Trình độ đào tạo: Dưới 3 tháng; thời gian đào tạo: 140 giờ (*Chi tiết tại Phụ lục XI*).
12. Nghề Lâm sinh - Trồng và chăm sóc cây mắc ca: Trình độ đào tạo: Dưới 3 tháng; thời gian đào tạo: 120 giờ (*Chi tiết tại Phụ lục XII*).
13. Nghề Kỹ thuật cây cao su - Cạo mủ cao su: Trình độ đào tạo: Dưới 3 tháng; thời gian đào tạo: 120 giờ (*Chi tiết tại Phụ lục XIII*).
14. Nghề Vận hành máy nông nghiệp - Vận hành máy kéo nông nghiệp: Trình độ đào tạo: Dưới 3 tháng; thời gian đào tạo: 120 giờ (*Chi tiết tại Phụ lục XIV*).
15. Nghề Lâm sinh - Trồng và chăm sóc dược liệu bằng phương pháp hữu cơ: Trình độ đào tạo: Dưới 3 tháng; thời gian đào tạo: 116 giờ (*Chi tiết tại Phụ lục XV*).

16. Nghề Lâm sinh - Trồng và chăm sóc cây sâm dây: Trình độ đào tạo: Dưới 3 tháng; thời gian đào tạo: 116 giờ (*Chi tiết tại Phụ lục XVI*).

17. Nghề Trồng cây công nghiệp - Trồng, chăm sóc cây tiêu: Trình độ đào tạo: Dưới 3 tháng; thời gian đào tạo: 114 giờ (*Chi tiết tại Phụ lục XVII*).

18. Nghề Lâm sinh - Trồng và chăm sóc cây sơn tra: Trình độ đào tạo: Dưới 3 tháng; thời gian đào tạo: 110 giờ (*Chi tiết tại Phụ lục XVIII*).

19. Nghề Lâm sinh - Trồng và chăm sóc cây sâm Ngọc Linh: Trình độ đào tạo: Dưới 3 tháng; thời gian đào tạo: 107 giờ (*Chi tiết tại Phụ lục XIX*).

20. Nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật - Quản lý và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật: Trình độ đào tạo: Dưới 3 tháng; thời gian đào tạo: 104 giờ (*Chi tiết tại Phụ lục XX*).

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 27 tháng 3 năm 2023.
2. Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum phê duyệt danh mục nghề đào tạo, mức chi phí đào tạo cho từng nghề, mức hỗ trợ đối với từng nhóm đối tượng tham gia học chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn tỉnh Kon Tum hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Hàng năm (*trước ngày 20/12*) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp tình hình thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
2. Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo Kon Tum;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Công báo tỉnh Kon Tum;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH.KGVX.NTMD

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Ngọc Tuấn

